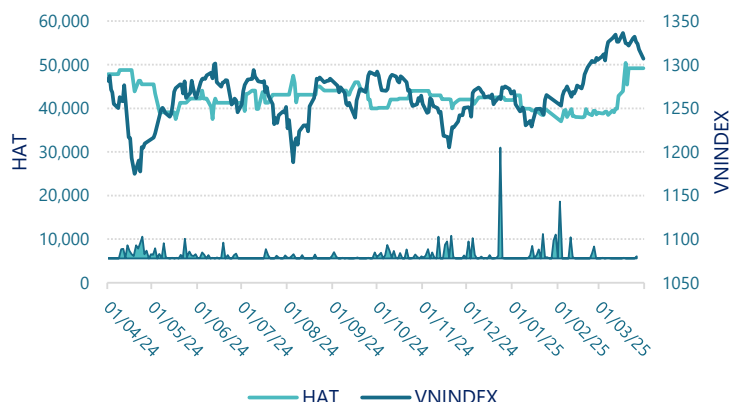


CTCP Thương mại Bia Hà Nội (HNX: HAT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	49,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	50,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	37,000
SL cổ phiếu LH	3,123,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,985
% sở hữu nước ngoài	5.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	154
P/E	8.1
EPS	6,110

DT thuần

Q1/25

180

tỷ VNĐ

QoQ: ▼95.0| -34.5%

YoY: ▲ 20.0| 12.7%

LN sau thuế

Q1/25

0.38

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.63| -61.9%

YoY: ▼0.05| -10.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.7%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

2024

1,349

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 115| 9.3%

LN sau thuế

2024

18.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.00| -24.4%

ROE

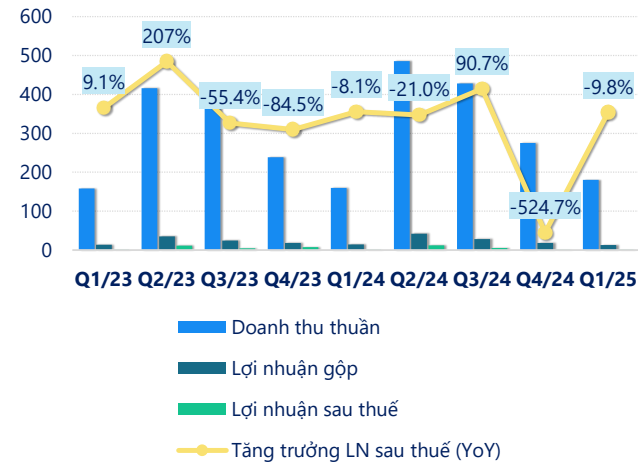
2024

25.7%

+/- YoY: ▼ 11.0%

tỷ VNĐ

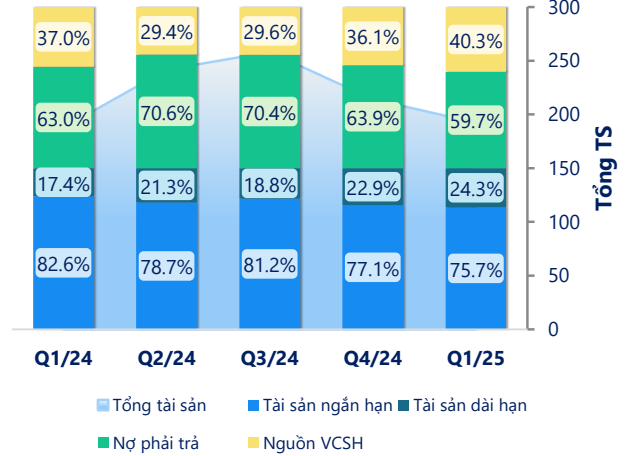
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

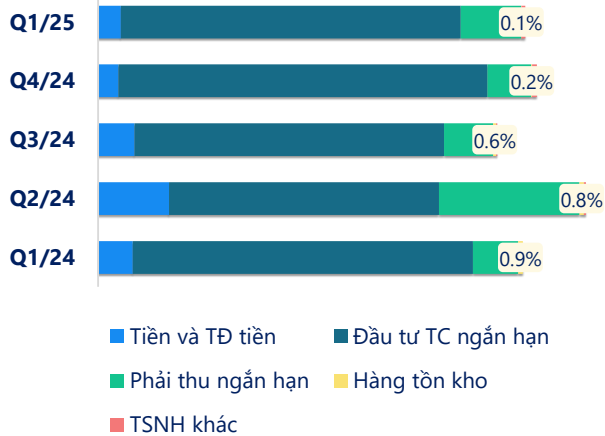
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



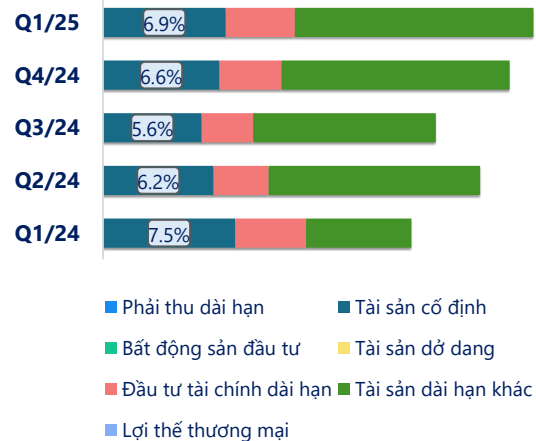
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

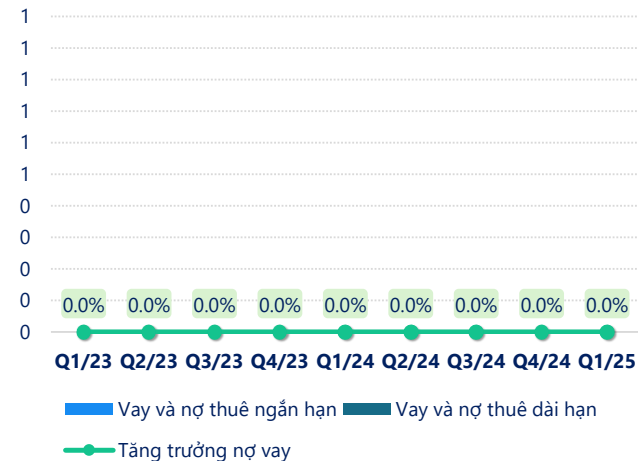
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

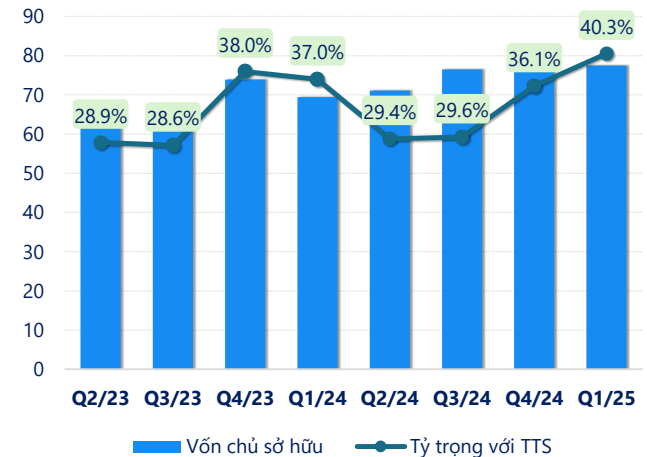
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

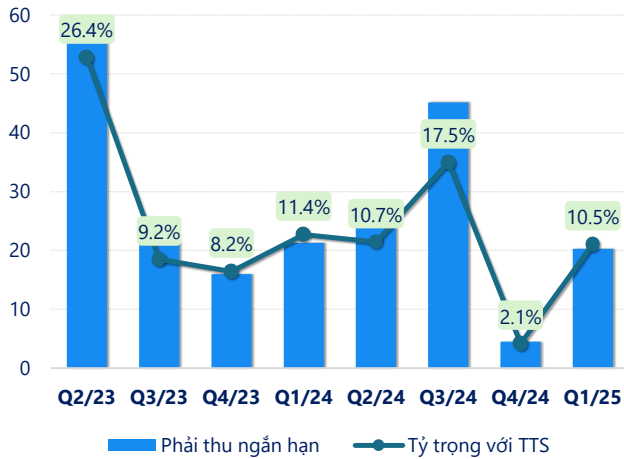
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



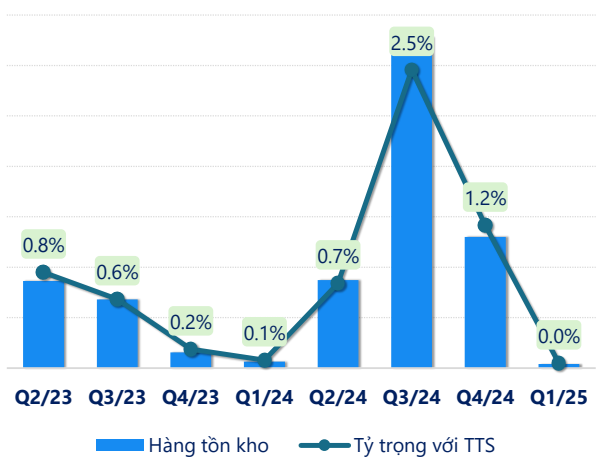
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


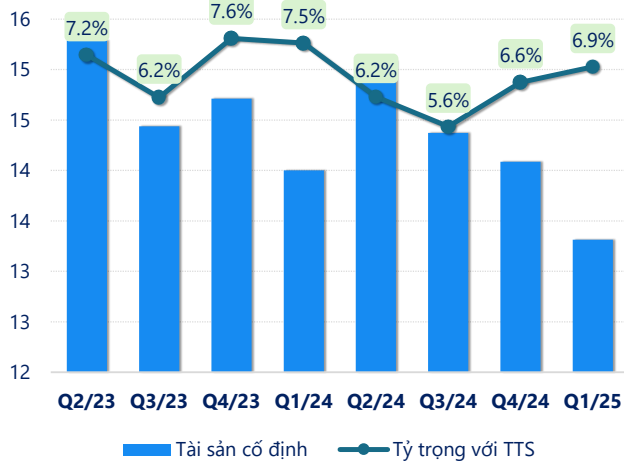
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


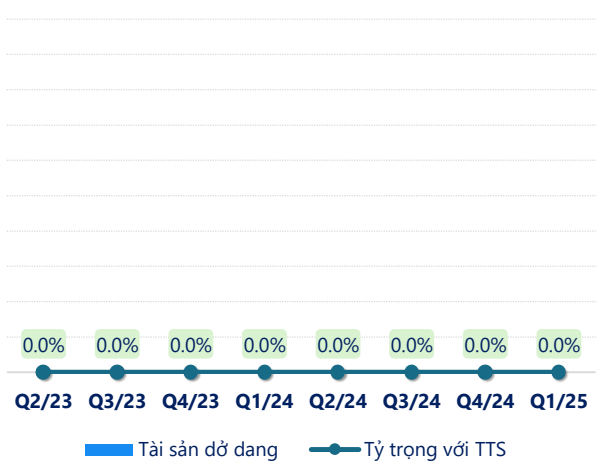
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

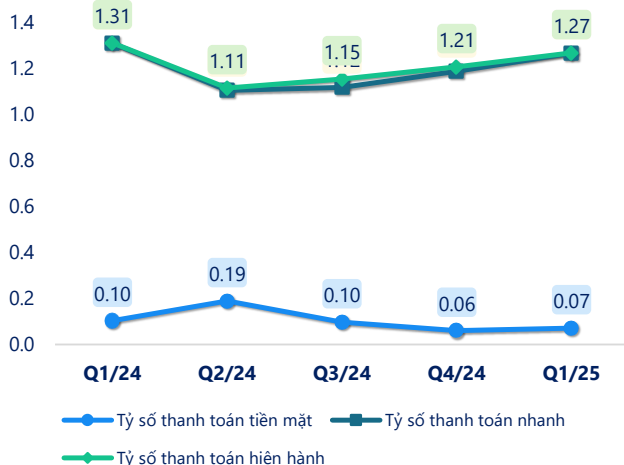
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

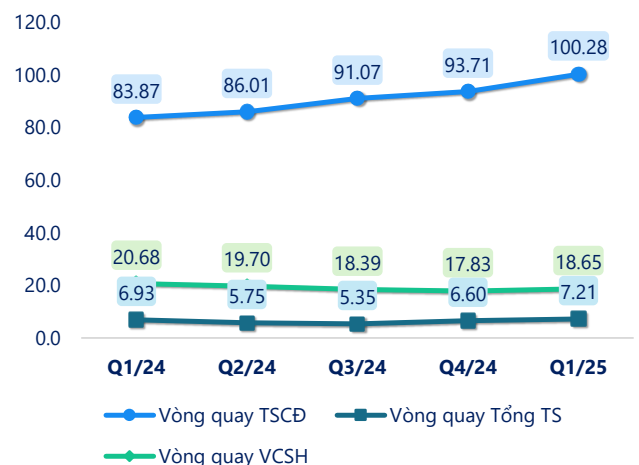
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	188	242	258	214	192
Tài sản ngắn hạn	155	190	210	165	146
Tiền và tương đương tiền	12.3	32.3	17.7	8.26	8.21
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	130	140	140	110
Phải thu ngắn hạn	21.3	25.9	45.1	4.48	20.3
Hàng tồn kho	0.13	1.74	6.55	2.60	0.08
Tài sản ngắn hạn khác	1.31	0.30	0.33	9.83	7.09
Tài sản dài hạn	32.7	51.4	48.5	49.2	46.7
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	14.0	15.1	14.4	14.1	13.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	7.50	7.50	7.50	7.50	7.50
Tài sản dài hạn khác	11.2	28.9	26.6	27.6	25.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	118	171	182	137	115
Nợ ngắn hạn	118	171	182	137	115
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.86	1.49	1.05	15.2	2.34
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	69.4	71.0	76.4	77.4	77.5
Vốn chủ sở hữu	69.4	71.0	76.4	77.4	77.5
Vốn điều lệ	31.2	31.2	31.2	31.2	31.2
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)